

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định cơ chế hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng xây dựng  
nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Thực hiện Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 219/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định cơ chế hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, cơ chế hỗ trợ từ ngân sách tỉnh để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới; xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới; xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn

mới nâng cao; xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2014 - 2016 để hoàn thiện tiêu chí theo quy định hiện hành; xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2016 - 2020 chưa được hỗ trợ của tỉnh.

b) Huyện đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới.

c) Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

## **Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Mức hỗ trợ các xã ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn cao hơn các xã ở địa bàn còn lại.

2. Tập trung hỗ trợ cho năm đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

3. Hỗ trợ tiền đầu tư đối với các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và xã đạt chuẩn giai đoạn 2014 - 2016, chỉ thực hiện hỗ trợ khi được công nhận đạt chuẩn theo quy định hiện hành.

## **Điều 3. Nội dung cơ chế hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng xây dựng nông thôn mới**

1. Đối với xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới

a) Các xã khu vực III theo quy định và các xã còn lại thuộc huyện Định Hóa, huyện Võ Nhai hỗ trợ mỗi năm 600 triệu đồng/xã/năm và 700 tấn xi măng/xã/năm; năm đăng ký đạt chuẩn hỗ trợ 5.000 triệu đồng/xã và 1.000 tấn xi măng/xã.

b) Xã còn lại thuộc địa bàn các huyện: Hỗ trợ mỗi năm 500 triệu đồng/xã/năm và 600 tấn xi măng/xã/năm; năm đăng ký đạt chuẩn hỗ trợ: 4.000 triệu đồng/xã và 900 tấn xi măng/xã.

2. Đối với xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới

a) Hỗ trợ 400 tấn xi măng/xã/năm cho các xã đã được công nhận đạt chuẩn để tiếp tục nâng cao chất lượng tiêu chí.

b) Hỗ trợ 1.000 triệu đồng/xã đối với 11 xã đã được công nhận đạt chuẩn giai đoạn 2014 - 2016 nhưng chưa đạt tiêu chí theo quy định hiện hành (chỉ hỗ trợ khi đạt chuẩn theo chuẩn của Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025).

c) Hỗ trợ 4.000 triệu đồng/xã đối với 07 xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 nhưng chưa được nhận hỗ trợ theo Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2016 - 2020 (bố trí kinh phí hỗ trợ trong năm 2023).

3. Đối với xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao

a) Xã thuộc các huyện: Hỗ trợ 1.000 triệu đồng/xã (khi đạt chuẩn) và 600 tấn xi măng/xã (trong năm đăng ký đạt chuẩn).

b) Xã thuộc thành phố, thị xã: Hỗ trợ 500 triệu đồng/xã (khi đạt chuẩn) và 500 tấn xi măng/xã (trong năm đăng ký đạt chuẩn).

4. Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu

a) Xã thuộc huyện: Hỗ trợ 2.000 triệu đồng/xã (khi đạt chuẩn) và 800 tấn xi măng/xã (trong năm đăng ký đạt chuẩn).

b) Xã thuộc thành phố, thị xã: Hỗ trợ 1.000 triệu đồng/xã (khi đạt chuẩn) và 700 tấn xi măng/xã (trong năm đăng ký đạt chuẩn).

5. Hỗ trợ huyện trong năm đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới: 10.000 triệu đồng/huyện và 10.000 tấn xi măng/huyện.

#### **Điều 4. Kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách tỉnh đảm bảo, được bố trí trong dự toán hằng năm.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật, định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022. /.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH.



**Phạm Hoàng Sơn**

